

Bản án số: 115/2026/HS-ST
Ngày: 19-8-2026.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tiến Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Trung Hải.

Bà Hà Thị Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lào Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Lý A Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lào Cai xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 81/2026/TLST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2026/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Giàng Thị S.** Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 01 tháng 01 năm 19xx tại xã Lao Chải, tỉnh Lào Cai. Nơi ĐKNKTT tại: Thôn L, xã Lao Chải, tỉnh Lào Cai; CCCD số: 015165xxxx54; trình độ văn hóa: Không biết chữ; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Mông; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Giàng A P (đã chết) và bà Thào Thị D (đã chết); Chồng: Cứ A Tr, sinh năm 19xx; Con: Có 06 con, con lớn sinh năm 1983, con nhỏ nhất sinh năm 1994.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 01/4/2026, tạm giam từ ngày 04/4/2026 hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Sùng Cháng D.** Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 15 tháng 3 năm 19xx tại xã Lao Chải, tỉnh Lào Cai. Nơi ĐKNKTT tại: Thôn H, xã Lao Chải, tỉnh Lào Cai; CCCD số: 015070xxxx65; trình độ văn hóa: Không biết chữ; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Sùng A T (đã chết) và bà Giàng Thị S, sinh năm 19xx; Vợ: Giàng Thị S,

sinh năm 19xx; Con: Có 06 con, con lớn nhất sinh năm 1988, con nhỏ nhất sinh năm 1991.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt người phạm tội quả tang ngày 31/3/2026, tạm giữ từ ngày 01/4/2026, tạm giam từ ngày 04/4/2026 hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho các bị cáo:*

Bà Lý Ngọc Kiều- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt.

** Người phiên dịch cho các bị cáo Giàng Thị S và Sùng Cháng D:* Ông Lý A Đà, sinh năm 1983.

Trú tại: Thôn Háng Bla A, xã Khao Mang, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Cừ A Tr, sinh năm 1966.

Trú tại: Thôn Lao Chải, xã Lao Chải, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

+ Bà Giàng Thị S, sinh năm 1969.

Trú tại: Thôn Háng Gàng, xã Lao Chải, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

** Người chứng kiến:*

+ Chị Giàng Thị S, sinh năm 1998.

Trú tại: Thôn Đào Xa, xã Lao Chải, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa.

+ Chị Giàng Thị M, sinh năm 1996.

Trú tại: Thôn Háng Gàng, xã Lao Chải, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ 00 ngày 31/3/2026, Sùng Cháng D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave RSX, biển kiểm soát 21G1-099.64 đến khu vực thôn Háng Gàng, xã Lao Chải tìm mua ma túy sử dụng. Khi đến ngôi nhà lều cạnh đường dân sinh thuộc thôn Háng Gàng, D gặp Giàng Thị S, qua trao đổi S đã bán cho D 06 gói ma túy, loại Heroine với giá 300.000đ. Sau khi mua được ma túy D cất giấu vào trong túi áo đang mặc trên người và điều khiển xe mô tô đi về nhà, khi về đến đầu thôn Háng Gàng thì bị tổ công tác Công an xã Lao Chải bắt quả tang. Vật chứng thu giữ gồm: 01 gói nilon màu xanh được buộc thắt nút một đầu, bên trong có 06 gói nilon màu trắng, trong mỗi gói đều chứa chất bột nén màu trắng (Heroine) có tổng khối lượng là 0,51gam; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave RSX,

biển kiểm soát 21G1-099.64. Số ma túy bị thu giữ D khai nhận mua về với mục đích tàng trữ để sử dụng cho bản thân.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở, đồ vật của D không phát hiện, thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Căn cứ lời khai của Sùng Cháng D, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Giàng Thị S. Quá trình điều tra thu giữ tại chiếu ngủ trong nhà lều của S 01 gói nilon màu trắng được hàn kín một đầu, bên trong có chứa chất bột nén màu trắng (Heroine) có khối lượng là 0,05gam; 11.000.000đ có chữ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và 01 điện thoại di động loại màn hình cảm ứng.

Tại Cơ quan điều tra Giàng Thị S khai nhận: Khoảng đầu tháng 02/2026 S xuống chợ xã Mù Cang Chải để bán rau thì gặp 01 người phụ nữ dân tộc Mông không biết tên, tuổi, địa chỉ. Qua trao đổi S đã mua của người phụ nữ này 01 gói ma túy, loại Heroine với giá 300.000đ mục đích mang về nhà cất giấu, bán kiếm lời. Khoảng 17 giờ 00 ngày 31/3/2026 S đã bán cho D 06 gói ma túy loại Heroin với giá 300.000đ, gói còn lại S chưa kịp bán thì bị thu giữ.

Tại bản Kết luận giám định số: 373/KL-KTHS ngày 08/4/2026 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai kết luận:

“1. Chất bột nén màu trắng trong phong bì niêm phong thứ nhất. ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có tổng khối lượng là 0,51gam.

2. Chất bột nén màu trắng trong phong bì niêm phong thứ hai. ký hiệu M2 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng là 0,05gam.”

Tại bản Kết luận giám định số: 375/KL-KTHS ngày 08/4/2026 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai kết luận: “09 tờ tiền Việt nam mệnh giá 500.000đ; 21 tờ tiền Việt nam mệnh giá 200.000đ; 15 tờ tiền Việt nam mệnh giá 100.000đ; 10 tờ tiền Việt nam mệnh giá 50.000đ; 15 tờ tiền Việt nam mệnh giá 20.000đ gửi giám định đều là tiền thật.”

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về nội dung các bản Kết luận giám định nêu trên.

Bản Cáo trạng số: 48/CT-VKSLCI-KV ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lào Cai, tỉnh Lào Cai, truy tố Giàng Thị S về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự, truy tố Sùng Cháng D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo không khiếu nại Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Tại phiên toà:

* Đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Giàng Thị S phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, xử phạt bị cáo S từ 03 năm 09 tháng đến 04 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo S.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Sùng Cháng D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, xử phạt bị cáo D từ 03 năm 06 tháng đến 03 năm 09 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, b, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Xử lý vật chứng tại Phiếu nhập kho vật chứng số 86/PNK ngày 22/7/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai với Phân trại tạm giam- Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh Lào Cai và Phiếu nhập kho giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai với phòng giao dịch số 2-Kho bạc Nhà nước khu vực IX tỉnh Lào Cai như sau:

+ Tịch thu tiêu hủy: 0,41gam ma túy, loại Heroine cùng 03 vỏ phong bì, các mảnh nilon.

+ Tịch thu của bị cáo Giàng Thị S số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nộp ngân sách Nhà nước.

+ Trả lại cho bị cáo Giàng Thị S và ông Cứ A Tr số tiền 10.700.000đ (*Mười triệu bảy trăm nghìn đồng*); trả lại 01 điện thoại di động loại màn hình cảm ứng cho bị cáo Giàng Thị S.

+ Trả lại cho bị cáo Sùng Cháng D và bà Giàng Thị S 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave RSX, biển kiểm soát 21G1-099.64; trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh cho bị cáo Sùng Cháng D.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo Giàng Thị S và Sùng Cháng D đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

- Người bào chữa bào chữa cho bị cáo S cơ bản nhất trí với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và các vấn đề khác trong vụ án. Về mức hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Tịch thu của bị cáo S số tiền 300.000đ là tiền do phạm tội mà có nộp ngân sách Nhà nước, trả lại cho bị cáo và ông Cừ A Tr số tiền 10.700.000đ, 01 điện thoại di động loại màn hình cảm ứng và miễn án phí hình sự cho bị cáo.

- Người bào chữa bào chữa cho bị cáo D cơ bản nhất trí với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và các vấn đề khác trong vụ án. Về mức hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, trả lại cho bị cáo Sùng Cháng D và bà Giàng Thị S 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave RSX, biển kiểm soát 21G1-099.64; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh cho bị cáo Sùng Cháng D và miễn án phí hình sự cho bị cáo.

- Bị cáo S, D nhất trí với nội dung mà người bào chữa đã trình bày, không có ý kiến tranh luận đối đáp gì với Kiểm sát viên về tội danh, mức hình phạt, xử lý vật chứng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Cừ A Tr và bà Giàng Thị S) đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại chiếc xe máy và số tiền bán lợn của gia đình.

- Các bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất, xin được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh:

Lời khai tại phiên toà của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan Điều tra, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản làm việc, Kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở kết luận:

- Đối với Giàng Thị S:

Khoảng đầu tháng 02/2026 S xuống chợ xã Mù Cang Chải để bán rau thì gặp 01 người phụ nữ dân tộc Mông không biết tên, tuổi, địa chỉ. Qua trao đổi S đã mua của người phụ nữ này 01 gói ma túy, loại Heroine với tổng khối lượng là 0,56gam với giá 300.000đ mục đích mang về nhà cất giấu, bán kiếm lời. Khoảng 17 giờ 00 ngày 31/3/2026 S đã bán cho D 06 gói ma túy loại Heroin có tổng khối lượng là 0,51gam với giá 300.000đ, gói còn lại có khối lượng là 0,05gam S chưa kịp bán thì bị thu giữ. Hành vi của bị cáo S đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

- Đối với Sùng Cháng D:

Hồi 18 giờ 30 tại khu vực thôn Háng Gàng, xã Lao Chải, tỉnh Lào Cai, D có hành vi tàng trữ 0,51gam ma túy loại Heroine nhằm mục đích sử dụng cho bản thân. Hành vi của bị cáo Sùng Cháng D đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Do đó, Cáo trạng truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, lời bào chữa của người bào chữa tại phiên tòa đối với bị cáo Giàng Thị S và Sùng Cháng D là chính xác, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

- Xét hành vi của bị cáo Giàng Thị S và Sùng Cháng D:

Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến chế độ quản lý của Nhà nước về các chất ma túy nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

- Xét nhân thân của các bị cáo:

+ Đối với Giàng Thị S:

Bị cáo không có tiền án, tiền sự, là người có sức khỏe, có khả năng điều khiển mọi hành vi hoạt động của bản thân, nhận thức được việc mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng thiếu tu dưỡng rèn luyện bản thân, vì mục đích lợi nhuận bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm.

+ Đối với Sùng Cháng D:

Bị cáo không có tiền án, tiền sự, là người có sức khỏe, có khả năng điều khiển mọi hành vi hoạt động của bản thân, nhận thức được việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng thiếu tu dưỡng rèn luyện bản thân, để thỏa mãn nhu cầu của cá nhân đã cố ý thực hiện tội phạm.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Đối với Giàng Thị S:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

+ Đối với Sùng Cháng D:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo D đã tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[4]. Từ những nhận xét, đánh giá về tính chất, mức độ gây nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nhân thân các bị cáo và căn cứ vào các quy định của pháp luật hình sự. Hội đồng xét xử thấy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định, tương xứng với mức độ nguy hiểm mà các bị cáo gây ra mới đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo, đồng thời để răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5]. Về hình phạt bổ sung:

Hội đồng xét xử xét thấy tại biên bản xác minh ngày 19/6/2026 và tại phiên tòa thể hiện bản thân bị cáo Giàng Thị S, bị cáo Sùng Cháng D không có nghề nghiệp, thu nhập, tài sản cá nhân có giá trị không lớn. Do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo S và bị cáo D.

[6]. Các vấn đề khác:

Đối với số tiền 300.000đ bị cáo S bán ma túy cho D. Bị cáo S khai số tiền bán ma túy bị cáo để vào chung với số tiền bán lợn của gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy đây là số tiền do phạm tội mà có cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Về vật chứng của vụ án gồm: 0,41gam ma túy, loại Heroine; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave RSX, biển kiểm soát 21G1-099.64; 11.000.000đ và 01 điện thoại di động loại màn hình cảm ứng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

+ Đối với 0,41gam ma túy, loại Heroine cùng 03 vỏ phong bì, các mảnh nilon đây là vật chứng của vụ án và là các đồ vật có liên quan đến tội phạm, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh thu giữ của Sùng Cháng D; 01 điện thoại di động loại màn hình cảm ứng thu giữ của Giàng Thị S. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định việc mua bán ma túy giữa S và D là trực tiếp không thông qua liên lạc bằng điện thoại do đó cần trả lại cho các bị cáo.

+ Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave RSX, biển kiểm soát 21G1-099.64 thu giữ của Sùng Cháng D; quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định chiếc xe máy là tài sản chung của vợ chồng Sùng Cháng D – Giàng Thị S, quá trình D sử dụng đi mua ma túy Sùng không biết nên cần trả lại cho bị cáo D và bà Giàng Thị S.

+ Đối với số tiền 11.000.000đ thu giữ của Giàng Thị S, quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định có 10.700.000đ là tiền bán lợn của gia đình là tài sản chung của vợ chồng Giàng Thị S – Cứ A Tr không liên quan đến hành vi phạm tội, do đó cần trả lại cho bị cáo S và ông Cứ A Tr.

Đối với người phụ nữ dân tộc Mông đã bán ma túy cho Giàng Thị S, S khai không biết tên, tuổi, địa chỉ của người này nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra, xử lý là phù hợp.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 29/3/2026 của Sùng Cháng D, quá trình điều tra xác định hành vi này của D không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 256a Bộ luật Hình sự. Công an xã Lao Chải đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi này của D là phù hợp.

[7]. Về án phí:

Do các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo theo quy định.

[8]. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Giàng Thị S phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị cáo Sùng Cháng D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

+ Đối với Giàng Thị S: Căn cứ khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo S 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 01/4/2026.

+ Đối với Sùng Cháng D: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s, t khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo D 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt người phạm tội quả tang, ngày 31/3/2026.

3. Về vật chứng:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, b, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Xử lý vật chứng tại Phiếu nhập kho vật chứng số 86/PNK ngày 22/7/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai với Phân trại tạm giam Văn Chấn- Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh Lào Cai và Phiếu nhập kho giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai với phòng giao dịch số 2-Kho bạc Nhà nước khu vực IX tỉnh Lào Cai như sau:

+ Tịch thu tiêu hủy 0,41gam ma túy, loại Heroine được niêm phong bằng phong bì do phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai phát hành. Mặt trước phong bì ghi “Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang Sùng Cháng D ngày 31/3/2026 (sau khi trích mẫu giám định); cùng 03 vỏ phong bì, các mảnh nilon.

+ Tịch thu của bị cáo Giàng Thị S số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nộp ngân sách Nhà nước.

+ Trả lại cho bị cáo Giàng Thị S và ông Cứ A Tr số tiền 10.700.000đ (*Mười triệu bảy trăm nghìn đồng*); trả lại 01 điện thoại di động loại màn hình cảm ứng cho bị cáo Giàng Thị S.

+ Trả lại cho bị cáo Sùng Cháng D và bà Giàng Thị S 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave RSX, biển kiểm soát 21G1-099.64; trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh cho bị cáo Sùng Cháng D.

(Tình trạng vật chứng có đặc điểm như trong Phiếu nhập kho vật chứng nêu trên).

4. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Giàng Thị S và bị cáo Sùng Cháng D.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Giàng Thị S và bị cáo Sùng Cháng D được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Cứ A Tr, bà Giàng Thị S được quyền kháng cáo Bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

" Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 34 Luật Thi hành án dân sự ".

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 4 - Lào Cai;
- Cơ quan CSĐT (PC 04), CA tỉnh Lào Cai;
- Phòng HS Nghiệp vụ, CA tỉnh Lào Cai.
- Phòng THADS khu vực 4, tỉnh Lào Cai;
- Trại tạm giam số 2, CA tỉnh Lào Cai;
- Thi hành án hình sự;
- UBND xã Lao Chải (TB);
- Công an xã Lao Chải;
- Các bị cáo; Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đỗ Tiến Phúc